**1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Phân số** | *Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số* | 2 |  |  | 1 |  | 1 |  |  | 37,5 |
| *Các phép tính với phân số* | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |
| **2** | **Số thập phân** | *Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm* | 3 |  |  | 1 |  |  |  |  | 17,5 |
|  | **Các hình hình học cơ bản** | *Điểm, đường thẳng, tia* | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 27,5 |
|  | *Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng* | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |
|  | *Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc* | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |
|  | **Một số yếu tố xác suất** | *Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản* | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 17,5 |
|  | *Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản* |  |  |  |  |  | 1 |  |  |
| **Tổng** | | | **12** |  |  | **3** |  | **3** |  | **1** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **30%** | | **10%** | | 100 |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | | **100** |

**2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Mức độ đánh giá** | | | | **Tổng % điểm** |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **Phân số** | *Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số* | ***Nhận biết:***  – *Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.* | 1TN  0.25 |  |  |  |  |
| – *Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số.* | 1TN  0.25 |  |  |  |  |
| *– Nhận biết được số đối của một phân số.* | 1TN  0.25 |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước. |  | 1TL |  |  |  |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. |  |  | 1TL |  |  |
| *Các phép tính với phân số* | ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số. |  |  |  | 1TL |  |
| **2** | **Số thập phân** | *Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm* | ***Nhận biết:***  – *Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân.* | 3TN  0.75 |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai số thập phân cho trước. |  | 1TL |  |  |  |
| **3** | **Các hình hình học cơ bản** | *Điểm, đường thẳng, tia* | ***Nhận biết:***  – *Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.* | 1TN  0.25 |  |  |  |  |
| *Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng* | *– Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.* | 1TN  0.25 |  |  |  |  |
| *Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc* | ***Nhận biết:***  – *Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc* | 1TN  0.25 |  | 1TL |  |  |
| **Thông hiểu:**  – So sánh số đo góc. |  | 1TL |  |  |  |
| **4** | **Một số yếu tố xác suất** | *Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản* | ***Nhận biết:***  –*Làm quen với mô hình xác suất trong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản*(ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). | 3TN  0.75 |  |  |  |  |
| *Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản* | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  | 1TL |  |  |

**3. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII TOÁN – LỚP 6**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS**  **…………** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**  **Môn: TOÁN – Lớp 6**  **Thời gian**: 90 phút (không kể thời gian giao đề) |

**ĐỀ**

**Phần 1. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)**

Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án mà em cho là đúng.

**Câu 1:** Số đối của phân số là :

**A**.  **B**. **C**.  **D**. 

**Câu 2:** Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta phân số **là** :

**A.** **B.** **C.** **D.**.

**Câu 3:**Tìm số nguyên x, biết: 

**A**. x = 7 **B**. x = 5 **C**. x = 15 **D**. x = 6

**Câu 4:** Số đối của 3,15 là :

**A**. - 1,35 **B**.– 5 ,13 **C**. 3,15 **D**. – 3,15

**Câu 5:** Viết phân số  dưới dạng số thập phân ta được:

**A**. - 20,22 **B**.– 22 ,02 **C**. 2,022 **D**. – 202,2

**Câu 6:** Viết số thập phân -0,15 dưới dạng phân số tối giản ta được:

**A**.  **B**. **C**.  **D**. 

**Câu 7:** Điểm M thuộc đường thẳng a thì được kí hiệu là :

**A**. M **∈** a **B**. M  a              **C**. M **∉** a                **D.** M = a

**Câu 8:**Trong hình vẽ hình nào là đoạn thẳng cắt tia ?



**A**. Hình a **B**. Hình c **C**. Hình d **D**. Hình b

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 9:** Các điểm nằm trong góc mOn trong hình bên là  **A**. Điểm A, B             **B**. Điểm A, B, C  **C**.Điểm B, C**D**. Điểm A | (hình câu 9) |

**Câu 10**: Tung một con xúc xắc có sáu mặt, số chấm ở mỗi mặt là một trong các số nguyên dương 1, 2, 3, 4, 5, 6. Có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của con xúc xắc?

**A**. 3                             **B**. 6                     **C**. 0                               **D**. 1

**Câu 11:**Một hộp có 10 chiếc thẻ được đánh số từ 1 đến 10. Rút ngẫu nhiên một chiếc thẻ từ trong hộp, ghi lại số của thẻ rút được và bỏ lại thẻ đó vào hộp. Sau 25 lần rút thẻ liên tiếp, nhận thấy có 4 lần lấy được thẻ đánh số 6. Xác suất thực nghiệm xuất hiện thẻ đánh số 6 là:

**A**.  **B**.  **C**.  **D**. 

**Câu 12:** Khi tung đồng xu 1 lần. Tập hợp các kết quả có thể xảy ra đối với mặt của đồng xu:

**A**.{N; **SN**; S} **B**.{N; N} **C**.{S; S} **D**.{S; N}

**Phần 2. Tự luận (7 điểm)**

**Câu 1**: **(2 điểm)**So sánh các số sau:

a)  và  b) 3,14 và 3,139

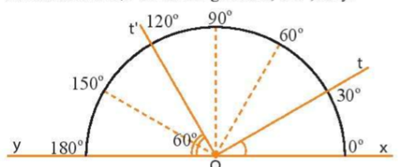
**Câu 2**:**(1 điểm)**Thực hiện phép tính:.

**Câu 3**: **(1 điểm)**

a) Hãy vẽ các đoạn thẳng sau:AB = 6 cm;CD = 4,3 cm.

b) So sánh độ dài hai đoạn thẳng AB và CD

**Câu 4**:**(1 điểm)** Nhìn hình vẽ **đọc** số đo các góc xOt; tOt’; xOy.

****

**Câu 5: (1 điểm)** Theo số liệu của Bộ Công Thương, 6 tháng đầu năm 2020 Việt Nam xuất khẩu được khoảng triệu tấn gạo với tổng giá trị 251 triệu USD. So sánh thấy, khối lượng này bằng khối lượng cùng kỳ năm 2019. Đồng thời tính giá trị theo USD bằng giá trị cùng kỳ năm 2019. Tìm phân số biểu thị số chệnh lệch giữa khối lượng gạo xuất khẩu trong năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 và số chênh lệch giữa hai giá trị tính theo USD tương ứng.

**Câu 6: (1 điểm)** Gieo một con xúc sắc 6 mặt 85 lần ta được kết quả như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mặt | 1 chấm | 2 chấm | 3 chấm | 4 chấm | 5 chấm | 6 chấm |
| Số lần xuất hiện | 12 | 15 | 14 | 19 | 14 | 11 |

Tính xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt chẵn chấm.

---------------- Hết --------------

**4. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII TOÁN – LỚP 6**

**Phần 1: Trắc nghiệm khách quan:**

Mỗi câu trả lời đúng đạt 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Đáp án** | **C** | **D** | **A** | **D** | **D** | **C** | **A** | **D** | **C** | **B** | **B** | **D** |

**Phần 2: Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1:** | **So sánh**  Ta có:  Vì nên | 0,5  0,5 |
| b) 3,14 < 3,139 | 1 |
| **Câu 2:** | **Thực hiện phép tính:** | 0,25  0,25  0,5 |
| **Câu 3** | a) Vẽ các đoạn thẳng có độ dài: AB = 6 cm; CD = 4,3 cm.    b) AB > CD | 0,5  0,5 |
| **Câu 4** | Đọc số đo các góc xOt; tOt’; xOy. | 0,25  0,5  0,25 |
| **Câu 5** | Do khối lượng gạo xuất khẩu trong năm 2019 là triệu tấn, nên quy về tìm một số biết của nó là . Tính được khối lượng gạo xuất khẩu trong năm 2019 là triệu tấn.  Do giá trị 251 triệu USD bằng giá trị xuất khẩu trong năm 2019, nên quy về tìm một số biết bằng 251. Tính được giá trị xuất khẩu gạo trong năm 2019 là triệu USD.  Từ đó tính được phân số chỉ số chênh lệnh giữa năm 2020 so với cùng kì năm 2019 là triệu tấn và triệu USD.  Nói cách khác, khối lượng giảm triệu tấn, giá trị tăng triệu USD. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu6** | Tổng mặt chẵn :15 + 19 + 11 = 45  Xác suất thực nghiệm của sự kiện gieo được mặt chẵn chấm: = | 0,5  0,5 |

-----------------Hết ------------